

PHÚ YÊN KHAI THÁC TIỀM NĂNG ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

ĐÀO TẤN LỘC

Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên

Phú Yên là một tỉnh duyên hải miền Trung có diện tích tự nhiên là 5.045 km², dân số hơn 84 vạn người. Dân cư phân bố tập trung cao ở vùng đồng bằng ven biển và thưa thớt ở các vùng đồi núi phía Tây. Lực lượng lao động chiếm 57% dân số, có trình độ học vấn và tỉ lệ được đào tạo khá cao.

Tiềm năng của Phú Yên đa dạng và phong phú. Nguồn khoáng sản có các loại đá hoa cương, diatomite, bentonite, fluoride, nước khoáng với trữ lượng khá lớn. Đất đai Phú Yên không nhiều nhưng khá màu mỡ, thích hợp cho việc trồng lúa, mía đường, hạt tiêu hay trồng rừng, trồng cây công nghiệp. Bờ biển Phú Yên còn giữ nguyên nét hoang sơ, cùng với các thắng cảnh tự nhiên, các di sản văn hoá vật thể và phi vật thể là những địa chỉ hấp dẫn khách du lịch. Ngoài ra, còn có nhiều đầm, vịnh, sông ngòi cho nuôi trồng thủy hải sản.

Hệ thống giao thông của tỉnh tương đối phát triển, có quốc lộ 1A; quốc lộ 25 và tỉnh lộ DT645 ít đèo dốc nối với vùng Tây Nguyên; cảng biển Vũng Rô, sân bay Tuy Hoà. Đây là những điều kiện thuận lợi cho giao lưu với các địa phương trong cả nước.

1. Một số kết quả phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2001-2005.

Trong 5 năm qua, bên cạnh những thuận lợi, Phú Yên cũng gặp nhiều khó khăn, thách thức trong phát triển kinh tế -

xã hội (KT-XH). Tuy nhiên, được sự quan tâm của Trung ương Đảng và Chính phủ, của các bộ, ngành, Đảng bộ và nhân dân Phú Yên đã nỗ lực phấn đấu, vượt qua khó khăn, thách thức, đạt được những thành tựu quan trọng.

Kinh tế phát triển tích cực, tốc độ tăng trưởng khá cao và ổn định. Tốc độ tăng GDP bình quân hàng năm đạt 10,8%, cao hơn so với bình quân chung của cả nước nhưng do xuất phát điểm thấp nên GDP bình quân đầu người năm 2005 ước đạt 5,76 triệu đồng, bằng 65,7% bình quân chung cả nước. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỉ trọng công nghiệp, dịch vụ, giảm dần tỉ trọng các ngành nông-lâm-ngư nghiệp. Đến năm 2005, tỉ trọng của ngành công nghiệp-xây dựng chiếm 30,7%; nông-lâm-ngư nghiệp: 33,6% và dịch vụ: 35,7%.

Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng bình quân hàng năm 3,8%. Đã hình thành các vùng chuyên canh, vùng nguyên liệu tập trung cho công nghiệp chế biến. Sản lượng lương thực ổn định, năm 2005 đạt khoảng 30 vạn tấn; trong đó, sản phẩm hàng hoá chiếm 30%.

Trong lĩnh vực chăn nuôi, đã hình thành các mô hình kinh tế trang trại, phát triển theo phương thức chăn nuôi công nghiệp. Mô hình trồng cỏ, nuôi bò lai đem lại hiệu quả kinh tế khá cao, đang ngày càng được nhân rộng.

Ngành thủy sản phát triển khá, tốc độ tăng trưởng bình quân 9,5%/năm. Lực lượng khai thác, đánh bắt xa bờ phát triển nhanh, quy mô tàu thuyền ngày càng lớn. Đến tháng 6-2005, toàn tỉnh có 3.965 tàu thuyền với tổng công suất 122.000 CV, trong đó có 650 tàu đánh bắt cá ngừ đại dương. Năm 2005, dự kiến tổng sản lượng khai thác thủy sản đạt 32,5 ngàn tấn, tăng 17,3% so với năm 2000; trong đó, cá ngừ đại dương đạt gần 5.200 tấn, tăng gấp 2,5 lần. Nuôi trồng thủy sản đã phát triển, trở thành nghề sản xuất quan trọng, cung cấp nguyên liệu cho chế biến xuất khẩu; trong đó, nuôi tôm hùm lồng đem lại hiệu quả kinh tế cao.

Sản xuất công nghiệp đạt mức tăng trưởng bình quân hàng năm là 19,5%. Tỉnh đã thu hút được nhiều doanh nghiệp (DN) đầu tư vào các lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; đã và đang xây dựng 3 khu công nghiệp tập trung với tổng diện tích 985,3 ha. Tính đến tháng 6-2005, có 24 dự án hoạt động; giải quyết việc làm cho hơn 5.000 lao động, tạo ra 19% giá trị sản xuất toàn ngành.

Các ngành công nghiệp chế biến phát triển khá, hình thành được một số ngành quan trọng như chế biến hạt điều, chế biến đường, tinh bột sắn, thủy sản, bia và nước giải khát, may mặc... đã giải quyết được việc làm cho gần 15.000 lao động.

Các nghề sản xuất hàng mây, tre, lá mĩ nghệ, đồ gỗ, vật liệu xây dựng góp phần quan trọng giải quyết việc làm cho hàng vạn lao động nông thôn. Một số làng nghề tiểu thủ công nghiệp được củng cố, phát triển theo hướng tạo ra những sản phẩm tinh xảo, chất lượng tốt và tăng thu nhập cho người làm nghề.

Các ngành dịch vụ tăng trưởng khá, đạt mức trung bình 11,9%/năm. Cơ cấu dịch vụ có bước chuyển biến tích cực theo hướng đáp ứng tốt hơn các nhu cầu sản

xuất - kinh doanh và phục vụ đời sống nhân dân. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ xã hội tăng bình quân 11,9%/năm.

Tỉnh đã thu hút được nhiều nhà đầu tư vào lĩnh vực du lịch trên địa bàn. Tổng giá trị đầu tư mới đã đưa vào sử dụng khoảng 70 tỉ đồng; lượng khách du lịch đến Phú Yên tăng bình quân 16,8%/năm; doanh thu tăng bình quân 21,1%/năm.

Dịch vụ vận tải hành khách và hàng hoá phát triển mạnh, tăng trưởng về khối lượng, nâng cao về chất lượng. Dịch vụ bưu chính - viễn thông phát triển khá; 100% số xã có điện thoại đến trung tâm xã; tỉ lệ dân sử dụng điện thoại đạt 10,5 máy/100 dân, vượt nhiều lần so với kế hoạch (2,9 máy/100 dân); doanh thu bưu chính - viễn thông đạt 479 tỉ đồng, tăng bình quân 35%/năm.

Xuất khẩu phát triển ổn định theo hướng tích cực. Tổng kim ngạch xuất khẩu 5 năm đạt 184,3 triệu USD; tốc độ tăng trưởng bình quân 25,6%/năm. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là hàng thủy sản, nhân hạt điều, cà phê nhân, quần áo may sẵn, hàng thủ công mĩ nghệ...

Văn hoá - xã hội, chất lượng giáo dục và hiệu quả đào tạo ngày càng tiến bộ. Mạng lưới trường lớp phát triển rộng khắp. Công tác phổ cập giáo dục tiểu học, xoá mù chữ được duy trì, đến cuối năm 2005 có 92/105 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở; 99% giáo viên phổ thông đạt chuẩn và trên chuẩn trình độ sư phạm theo yêu cầu. Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học được tăng cường, nhiều trường được xây mới theo tiêu chuẩn quốc gia. Trong 5 năm qua, toàn tỉnh đã đầu tư xây mới hơn 600 phòng học, trong đó có 305 phòng học kiên cố, 30 trường học 2 tầng với tổng kinh phí 150 tỉ đồng (nhân dân đóng góp hơn 30 tỉ đồng). Ở 3 huyện miền núi, mỗi

huyện đều có trường trung học phổ thông dân tộc nội trú được xây mới khang trang. Công tác đào tạo nghề được các ngành, các cấp quan tâm. Đã hình thành các cơ sở đào tạo nghề có chất lượng (gồm 3 trường cao đẳng, 1 phân viện ngân hàng, 4 trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề).

Mạng lưới y tế cơ sở được củng cố và phát triển, đến nay đã có 20% cơ sở y tế xã đạt chuẩn quốc gia. Hệ thống khám chữa bệnh trong toàn tỉnh được đầu tư nâng cấp và sắp xếp lại; công suất sử dụng giường bệnh đạt từ 98-100%; 100% số xã, phường có cán bộ y tế, trên 80% trạm y tế có bác sĩ, 100% thôn, buôn có nhân viên y tế. Hàng năm, khám chữa bệnh miễn phí cho trên 100.000 lượt người nghèo với tổng kinh phí 3,5 tỉ đồng.

Công tác dân số, gia đình và trẻ em được chú trọng, tỉ lệ tiêm chủng đầy đủ cho trẻ em dưới một tuổi hàng năm đạt trên 95%; tỉ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi giảm từ 39% năm 2000 xuống còn 27% năm 2005; trên 70% trẻ em thuộc hộ nghèo, trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được trợ giúp. Mức giảm sinh bình quân hàng năm đạt 0,6‰; tỉ lệ tăng dân số tự nhiên giảm từ 1,62% xuống còn 1,26%.

Hoạt động văn hoá - thông tin cơ bản đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hoá của nhân dân. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư phát triển rộng khắp, tạo nên nếp sống văn minh trong xã hội; có 75% số hộ đạt chuẩn gia đình văn hoá; 55% số thôn, buôn, khu phố văn hoá.

Vấn đề *giải quyết việc làm* được quan tâm, trong 5 năm giải quyết việc làm cho khoảng 114.000 lao động. Cơ cấu lao động đã có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm dần lao động khu vực nông nghiệp (từ 77,1% năm 2000 xuống 69,2% năm 2005), tăng tỉ trọng lao động khu vực công

nh nghiệp và dịch vụ (tăng tương ứng từ 6,7% và 16,2% lên 11,2% và 19,6%); tỉ lệ thời gian lao động của khu vực nông thôn ngày càng cao (từ 73,5% năm 2000 lên 80% năm 2005); số lao động đã qua đào tạo ngày càng tăng (từ 16% năm 2000 lên 23,5% năm 2005). Nhiều chương trình, dự án được triển khai nhằm đạt mục tiêu xoá đói, giảm nghèo, tạo điều kiện để người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội như y tế, giáo dục, văn hoá; hỗ trợ xây dựng 4.581 nhà cho người nghèo với tổng kinh phí 33 tỉ đồng, cơ bản xoá nhà ở tạm cho các hộ gia đình chính sách. Tỉ lệ hộ nghèo trên địa bàn tỉnh giảm từ 15,32% năm 2000 xuống còn 5,2% năm 2005 (theo tiêu chí của Quyết định số 143).

Cơ sở hạ tầng nông thôn đã được cải thiện đáng kể, nhất là hệ thống giao thông, điện, nước, trường học, bệnh xá, chợ; đã có 100% số xã có điện lưới quốc gia, 92,5% số hộ đã được sử dụng điện, 50% số dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch.

Bên cạnh những thành tựu đạt được rất cơ bản, sự phát triển KT-XH của Phú Yên thời gian qua vẫn còn những hạn chế cần khắc phục. Tốc độ tăng trưởng kinh tế tuy cao nhưng chưa thật sự vững chắc, chất lượng tăng trưởng, hiệu quả và sức cạnh tranh còn thấp, vốn đầu tư huy động chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Cơ cấu kinh tế mặc dù đã có sự chuyển dịch theo hướng CNH, HĐH nhưng còn chậm; một số lợi thế trong từng ngành, từng vùng, từng thành phần kinh tế chưa được phát huy đúng mức; chưa phát triển và phát huy tiềm năng liên kết phát triển kinh tế giữa các vùng, địa phương. Việc quản lý xây dựng cơ bản, quản lý đất đai tuy có mặt tiến bộ nhưng vẫn còn nhiều bất cập, sai sót. Trong lĩnh vực xã hội cũng còn những hạn chế nhất định về cơ sở vật chất trường học, trạm y tế, các công trình văn hoá thể

KINH NGHIỆM THỰC TIỄN

thao; vấn đề chế độ, chính sách và công tác quản lý đối với giáo viên, cán bộ y tế, trong áp dụng tiến bộ khoa học - kĩ thuật.

Đánh giá khách quan quá trình chỉ đạo, điều hành phát triển KT-XH Phú Yên thời gian qua, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

Một là, chọn đúng vấn đề cần tập trung sức chỉ đạo từng thời điểm, đồng thời biết huy động nội lực, sức dân để đẩy mạnh đầu tư phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Thực tiễn của tỉnh cho thấy việc huy động nội lực là chủ yếu kết hợp với khai thác các nguồn vốn bên ngoài để đầu tư phát triển có ý nghĩa quyết định, mang tính ổn định và bền vững. Đặc biệt, sự phát triển mạnh của thành phần kinh tế tư nhân, cá thể đã đem lại một sinh khí mới trong phát triển.

Hai là, vận dụng sáng tạo các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước vào tình hình thực tế địa phương. Tỉnh đã ban hành nhiều chính sách trên các lĩnh vực đầu tư vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp huyện, khuyến khích xây dựng thương hiệu và chất lượng, khen thưởng nghệ nhân, đầu tư vào du lịch, nông nghiệp, đào tạo sau đại học... tạo cơ chế thoáng và năng động thu hút đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh.

Ba là, đẩy mạnh phân cấp quản lý, gắn việc phân cấp quản lý với sự kiểm tra, giám sát thường xuyên. Việc mạnh dạn phân cấp cho cấp dưới trong một số lĩnh vực, nhất là đầu tư xây dựng cơ bản, ngân sách, quản lý đô thị... gắn với sự kiểm tra thường xuyên tạo điều kiện cho các đơn vị năng động, sáng tạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao.

Bốn là, phát huy dân chủ ở cơ sở, giải quyết tốt khiếu nại, tố cáo. Thực tế cho thấy cơ quan nào, địa phương nào dân chủ cơ sở được phát huy thì địa phương đó, cơ

quan đó hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó, cần tập trung giải quyết tốt khiếu nại, tố cáo từ cơ sở, giải quyết dứt điểm các khiếu nại tố cáo, nhất là về nhà ở, đất đai.

Năm là, kết hợp phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội. Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội. Cùng với đầu tư phát triển kinh tế, trong những năm qua, tỉnh đã dành một nguồn vốn đáng kể phát triển các mặt văn hoá, xã hội.

Sáu là, giữ vững ổn định an ninh chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế.

2. Mục tiêu kinh tế - xã hội giai đoạn 2006-2010 và các giải pháp chủ yếu.

a. Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Trong giai đoạn 2006-2010, Phú Yên phấn đấu đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, tạo chuyển biến mạnh mẽ về chất của sự phát triển, phấn đấu tiếp cận để tiến tới vượt qua mức trung bình cả nước vào các năm sau 2010.

Cụ thể, về chỉ tiêu kinh tế, phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm là 13%, trong đó, khu vực nông-lâm-ngư nghiệp tăng 4,2%/năm; công nghiệp-xây dựng tăng 19,2%/năm; dịch vụ tăng 13,3%/năm. Đến năm 2010, cơ cấu kinh tế của tỉnh sẽ bao gồm: nông-lâm-ngư nghiệp chiếm 22,4%; công nghiệp-xây dựng 41,1%; dịch vụ 36,5%; GDP bình quân đầu người đạt mức 10,1 triệu đồng.

Giá trị kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 18,3%/năm, đến năm 2010 đạt 130 triệu USD, giá trị xuất khẩu bình quân đầu người là 142 USD.

Phấn đấu tăng nhanh lượng vốn đầu tư toàn xã hội, giải quyết tốt mối quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng, thu hút mạnh vốn đầu tư từ bên ngoài, tổng vốn đầu tư xã hội thời kì 2006-2010 dự kiến đạt

17.275 tỉ đồng.

Về các chỉ tiêu xã hội, quy mô dân số vào năm 2010 phấn đấu đạt mức 915,2 ngàn người, tốc độ tăng dân số bình quân 1,26%/năm; mức giảm sinh bình quân 0,5‰/năm.

Phấn đấu trong 5 năm giải quyết việc làm cho khoảng 125 ngàn lao động; giảm tỉ lệ thất nghiệp ở thành thị xuống 4% và tăng tỉ lệ thời gian sử dụng lao động nông thôn lên mức 85-90%; đến năm 2010 tỉ lệ lao động đã qua đào tạo nghề đạt khoảng 40%. Giảm tỉ lệ hộ nghèo (theo tiêu chí mới) xuống còn 9% vào năm 2010.

Đến năm 2010 phấn đấu 80% hộ dân nông thôn, 99% hộ dân đô thị được sử dụng nước sạch; thu gom và xử lý 100% rác thải sinh hoạt đô thị; quản lý và xử lý 100% chất thải công nghiệp, chất thải y tế.

b. Các giải pháp chủ yếu.

Để thực hiện thành công mục tiêu tổng quát nêu trên, trong thời gian tới Phú Yên tập trung thực hiện tốt hệ thống các giải pháp sau:

- Về quy hoạch, tập trung rà soát, bổ sung quy hoạch phát triển KT-XH của tỉnh, các huyện, thị, thành phố theo hướng liên kết, phối hợp liên ngành, liên huyện phù hợp với từng giai đoạn phát triển; làm tốt quy hoạch đô thị, quy hoạch các khu công nghiệp, du lịch, các vườn chuyên canh trong nông nghiệp, quy hoạch các đầu mối và tuyến giao thông quan trọng. Công bố công khai quy hoạch và có biện pháp hiệu quả để quản lý quy hoạch.

- Về vốn, bên cạnh việc phát huy tối đa các nguồn vốn trong tỉnh, trong nước, tỉnh sẽ tập trung khai thác triệt để, có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư qua các ngành của trung ương, của các chương trình mục tiêu, nhất là vốn ODA để phát triển cơ sở hạ tầng; tăng cường tích lũy, ưu tiên dành vốn đối ứng để thu hút và sử dụng có hiệu

quả các nguồn vốn đầu tư, nhất là các nguồn vốn FDI.

- Về phát triển các thành phần kinh tế, tiếp tục thực hiện các chính sách đã ban hành, đồng thời, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số chính sách cho phù hợp với tình hình mới. Tiếp tục sắp xếp DNN; khuyến khích phát triển mạnh và nâng cao hiệu quả các thành phần kinh tế tư nhân, cá thể, đưa quy mô khu vực kinh tế ngoài quốc doanh lên khoảng 2.000 DN; thúc đẩy phát triển kinh tế trang trại.

- Liên kết phát triển là giải pháp quan trọng để tăng thêm sức mạnh cho phát triển. Đẩy mạnh liên kết với TP. Hồ Chí Minh và các khu vực kinh tế trọng điểm, với các tỉnh Khánh Hoà, Bình Định, Đắk Lắk và các tỉnh khác trong lưu vực sông Ba để khai thác thế mạnh mỗi tỉnh; tiếp tục phát huy mối quan hệ hợp tác quốc tế nhằm thu hút đầu tư, đẩy mạnh trao đổi hàng hoá.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, giải quyết nhanh, gọn và đồng bộ các thủ tục hành chính giữa các cơ quan hành chính nhà nước các cấp; tạo những điều kiện thuận lợi, nhanh chóng trong giải quyết thủ tục hành chính cũng như mọi yêu cầu chính đáng khác của các DN, tổ chức, công dân, xem đây là giải pháp quan trọng thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển KT-XH của tỉnh.

Ngoài những giải pháp nêu trên, tỉnh còn tập trung nỗ lực thực hiện các giải pháp khác như giải pháp phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, đào tạo nghề cho lao động; phát triển và mở rộng thị trường; phát triển khoa học - công nghệ, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường; đẩy mạnh phong trào thi đua... nhằm đạt mục tiêu phát triển KT-XH Phú Yên với tốc độ nhanh, hiệu quả và bền vững □